| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **81**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Quách Trung Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hiển- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Phương Huy- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 729/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trịnh Thị N** sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh **Ngô Văn B** sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trịnh Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn B chung sống với nhau năm 2017, do quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML vào ngày 09/01/2018. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B không lo gia đình trong khi con bị bệnh về máu phải nhập viện nhiều lần và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn được nhưng chị có điện thoại cho anh B và không có tiếng nói chung,

việc ly hôn này anh B có biết nhưng anh B không chịu đến Tòa án. Nay yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung là Ngô Thị Như Z sinh ngày 13/3/2018. Hiện cháu Z đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Z, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm giáo viên, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng đủ để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Ngô Văn B đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầyy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh B, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Ngô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML vào ngày 09/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B không lo gia đình khi con bị bệnh về máu phải nhập viện nhiều lần và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Theo cung cấp của ông Ngô Văn MM là cha của anh B thì giữa anh B và chị N đã sống ly thân cách nay khoảng 05 năm là phù hợp với lời trình bày của chị N. Anh B không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Thể hiện ý chí của anh B là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Mặt khác thời gian chị N và anh B sống ly thân đã lâu mà không hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện cháu Z đang sống với chị N, chị N có đủ điều kiện để nuôi con chung và cháu Z cũng có nguyện vọng được sống với chị

N, anh B không có ý kiến phản đối mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu Z nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Z cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử**:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn B.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Ngô Thị Như Z sinh ngày 13/3/2018 cho chị Trịnh Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**2.** Về án phí:

- Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0016311 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C xem như chị N đã nộp xong án phí.

**3.** Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Trịnh Thị N được tính từ ngày tuyên án, đối với anh Ngô Văn B được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thi**